

Bản án số: 136/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-02-2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ân

Bà Châu Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1168/2024/HNST ngày 02 tháng 10 năm 2024 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 685/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2025/QĐHPT ngày 17 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị N, sinh năm 1969; Cư trú tại: Số A đường N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Vũ Sơn B, sinh năm 1963; Đăng ký thường trú: Số A đường N, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ cư trú hiện nay: Số A đường T, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/9/2024 và các biên bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn là Bùi Thị N trình bày: Bà và ông Vũ Sơn B đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/1988 tại Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, bà và ông B có 03 con chung là Vũ Anh T, sinh ngày 22/4/1989; Vũ Hiền T1, sinh ngày 20/02/1991 và Vũ Trọng T2, sinh ngày 18/01/1995 (đều đã trưởng thành). Từ thời điểm lập gia đình đến nay, cuộc sống gia đình cũng có nhiều mâu thuẫn từ lâu rồi nhưng do các con còn nhỏ và gia đình thuyết phục nên

bà cố gắng hàn gắn hạnh phúc gia đình để cùng ông B nuôi dạy con chung. Quan điểm sống giữa bà và ông B có nhiều khác biệt, bà N cảm thấy không được ông B chia sẻ những khó khăn chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn kéo dài khiến cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông B không có hạnh phúc. Bà đã nhiều lần mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng đến nay bà cảm thấy không còn cơ hội để hàn gắn hạnh phúc nữa, các con chung cũng đã trưởng thành. Vì vậy, bà N đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Vũ Sơn B để ổn định cuộc sống. Về con chung: 03 con chung của bà và ông Vũ Sơn B đã trưởng thành. Về tài sản chung: Bà Như không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Bùi Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà, bà N giữ nguyên yêu cầu đã trình bày tại các buổi làm việc tại Tòa án. Ông Vũ Sơn B vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Qua kiểm tra việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng cho các đương sự và hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp nghiên cứu. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị N được ly hôn với ông Vũ Sơn B. Về con chung: Đã trưởng thành. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về án phí sơ thẩm: Bà Bùi Thị N đóng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Quan hệ giải quyết trong vụ án giữa bà Bùi Thị N và ông Vũ Sơn B là “Tranh chấp ly hôn”. Ngày 02/10/2024, Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý vụ án. Tại nội dung trả lời xác minh của Công an P, quận G về tình trạng cư trú của ông Vũ Sơn B thể hiện “*Nhân khẩu Vũ Sơn B, sinh năm 1963, hiện tại công dân không còn thực tế cư trú tại A N, khu phố G, phường A quận G từ ngày 05/10/2024 đến nay không rõ nơi cư trú*”; Căn cứ nội dung trả lời xác minh của Công an phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh có nội dung “*Công dân Vũ Sơn B, sinh năm 1963 thực tế cư ngụ tại A đường T, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh*”. Theo Khoản 3 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

“Trường hợp vụ án dân sự đã được Tòa án thụ lý và đang giải quyết theo đúng quy định của Bộ luật này về thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ thì phải được Tòa án đó tiếp tục giải quyết mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án có sự thay đổi nơi cư trú...của đương sự”. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án quận G đã tổng đạt các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ cho ông Vũ Sơn B nhưng ông B đã vắng mặt đến lần thứ hai, bà Bùi Thị N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm a, b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Vũ Sơn B và bà Bùi Thị N.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao) số 00097; Quyền số 02/1988 ngày 25 tháng 7 năm 1988 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện quan hệ hôn nhân giữa bà Bùi Thị N và ông Vũ Sơn B là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, các biên bản ghi nhận lời khai của nguyên đơn là bà Bùi Thị N thì nguyên nhân bà yêu cầu ly hôn là do cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; quan điểm sống giữa bà và ông B có nhiều khác biệt, bà N cảm thấy không được ông B chia sẻ những khó khăn chung trong cuộc sống. Mâu thuẫn kéo dài khiến cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông B không có hạnh phúc; bà N đã nhiều lần mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng đến nay bà cảm thấy không còn cơ hội để hàn gắn hạnh phúc nữa, các con chung cũng đã trưởng thành.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống hôn nhân phải là sự tự nguyện từ hai phía, vợ chồng phải yêu thương tôn trọng lẫn nhau, thống nhất với nhau về suy nghĩ và quan điểm cách sống, đôi bên phải quý trọng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, chia sẻ, bàn bạc giải quyết các vấn đề chung thì mục đích hôn nhân mới đạt được. Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn tuy không xảy ra bạo lực gia đình, hay vi phạm chế độ hôn nhân nhưng theo trình bày của bà Bùi Thị N thì mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông B đã xảy ra từ rất lâu và không còn có thể hàn gắn. Từ những phân tích trên cho thấy, cuộc sống vợ chồng giữa bà Bùi Thị N và ông Vũ Sơn B không hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị N với ông Vũ Sơn B là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh nguyên đơn nộp trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện nguyên đơn và bị đơn có 03 con chung là Vũ Trọng T2; Vũ Anh T và Vũ Hiền T1 (đều đã trưởng thành).

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị Như K yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị N phải nộp án phí đối với yêu cầu ly hôn.

Đối với phần phát biểu ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đã phân tích đúng nội dung của vụ án và đưa ra ý kiến về việc giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1, khoản 3 Điều 39, Điều 147, Điều 220, Khoản 2 Điều 227, Điều 235, Điều 271, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 53, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Bùi Thị N:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị N được ly hôn với ông Vũ Sơn B.

Giấy chứng nhận kết hôn số 00097; Quyền số 02/1988 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/7/1988 không còn hiệu lực.

Về con chung: Đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị Như K yêu cầu giải quyết, Tòa án không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, bà Bùi Thị N phải nộp nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0014534 ngày 02/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà Bùi Thị N đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- VKS ND.Q. Gò Vấp;
- UBND nơi thực hiện ĐKKH;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã đóng dấu và ký tên)

Nguyễn Mạnh Hùng